

Tác động và hiệu quả đạt được của chiến lược 6c khi vận dụng vào thực tiễn dạy học môn Giáo dục thể chất cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 qua nhận định của giáo viên

Lý Quốc Biên, Vương Quốc Anh, Lê Anh Vinh

Email: bienlq@gesd.edu.vn,

anhvq@gesd.edu.vn,

vinhla@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: Chiến lược 6C là những kĩ thuật dạy học tích cực được xây dựng và triển khai trong dự án “Nâng động cùng thể thao”, hiện thực hóa cam kết “Made to Play” của Nike toàn cầu tại Việt Nam với mục đích hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, giúp trẻ em vận động nhiều hơn, tự tin, nỗ lực và đạt được kết quả cao với các hoạt động Giáo dục thể chất trong và ngoài nhà trường. Chiến lược này đã được áp dụng tại nhiều nước phát triển và được triển khai vận dụng thử nghiệm tại 07 tỉnh/thành phố ở Việt Nam giai đoạn 2020-2022. Bài viết tập trung đánh giá kết quả đạt được qua quá trình vận dụng thử nghiệm, đặc biệt đánh giá mức độ phù hợp của chiến lược này với định hướng Chương trình môn Giáo dục thể chất 2018 cấp Tiểu học qua nhận định của giáo viên trong hoạt động khảo sát. Trên cơ sở kết quả đạt được, đề xuất khuyến nghị tổ chức tập huấn mở rộng hướng dẫn giáo viên vận dụng trên phạm vi toàn quốc, nhằm nâng cao chất lượng môn học, đáp ứng mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Từ khóa: Giáo dục thể chất, phương pháp dạy học, chiến lược 6C, hình thức tổ chức, tiểu học.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục thể chất (GDTC) là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và được xây dựng xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12, hướng đến mục tiêu giúp học sinh có cuộc sống khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần, hình thành và hoàn thiện các năng lực thể chất thông qua việc trang bị những kiến thức, kĩ năng về bảo vệ và quản lí sức khỏe, thường xuyên tập luyện phù hợp với bản thân, biết cách thích ứng với các điều kiện sống, từ đó nâng cao tính tự giác, chủ động rèn luyện, bảo đảm sức khỏe trong học tập và rèn luyện. Ngoài ra, môn học còn góp phần giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, từng bước góp phần phát triển toàn diện con người mới.

Ý nghĩa và vị trí của môn học đã được khẳng định, tuy nhiên thực tế triển khai GDTC trong nhà trường phổ thông hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hiệu quả và vai trò của môn học. Nghiên cứu chỉ ra nhiều nguyên nhân dẫn đến chất lượng GDTC chưa cao như nhận thức về GDTC như một môn học phụ; điều kiện cơ sở vật

chất, trang thiết bị còn hạn chế; nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức và đánh giá còn đơn điệu. Đặc biệt, giáo viên (GV) gặp nhiều khó khăn trong việc đổi mới phương pháp dạy học, thiếu kĩ năng vận dụng tổ chức các hình thức dạy học thông qua các trò chơi nhằm giải quyết nhiệm vụ trọng tâm của giờ học.

Nghiên cứu đặc điểm của Chương trình GDTC 2018, tìm hiểu những rào cản trong việc triển khai Chương trình, đồng thời lắng nghe những khó khăn, vướng mắc của GV trong quá trình tổ chức và thực hiện dạy học, có thể thấy, cùng với việc cải tiến nội dung và định hướng tiếp cận năng lực. Chương trình GDTC mới chỉ có thể thành công nếu GV đổi mới phương pháp dạy học, lấy học sinh làm trung tâm, chú ý đến đặc điểm, nhu cầu và sở thích của người học thông qua việc áp dụng những chiến lược, kĩ thuật dạy học tích cực. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn tài liệu “Hướng dẫn tổ chức dạy học môn GDTC cấp Tiểu học theo chiến lược 6C”, nhằm cung cấp kiến thức và kĩ năng tổ chức dạy học môn học theo định hướng phát triển năng lực; đặc biệt tập trung hướng dẫn GV tích hợp các trò chơi trong dạy học thông qua việc hệ thống các trò chơi vận động được thiết kế phù hợp với mục tiêu, đặc điểm Chương trình trên cơ sở vận dụng phương pháp dạy học tích cực theo chiến lược 6C.

Chiến lược 6C bao gồm các chiến lược, kĩ thuật dạy học để đạt được 6 yếu tố: Confidence (tự tin) - Contribution (đóng góp) - Celebration (công nhận, khen ngợi) - Choice (lựa chọn) - Clear/Concise (rõ ràng/súc tích) - Connection (gắn kết).

- Tự tin (tạo sự tự tin cho học sinh): Giúp học sinh thay đổi từ tâm thế “không thể” thành “có thể”. học sinh tin vào khả năng của bản thân, tự tin trong việc đưa ra các ý kiến trao đổi, tự tin trong các hoạt động và tự tin bản thân có thể hoàn thành được các yêu cầu/nhiệm vụ giáo viên đưa ra.

- Đóng góp: Tạo cho học sinh có cơ hội đóng góp vào tất cả các hoạt động, từ các hoạt động cá nhân đến các hoạt động nhóm/tập thể, từ các nhiệm vụ cá nhân tới các nhiệm vụ hỗ trợ giáo viên trong giờ học.

- Công nhận, khen ngợi (học sinh được công nhận, khen ngợi): Giúp học sinh nhận ra những điểm đã làm tốt bằng cách công nhận, khen ngợi có chủ đích. Học sinh cần được biết bản thân đã làm tốt ở những điểm nào. Điều này khiến học sinh vui vẻ và cố gắng nhiều hơn, bên cạnh đó giáo viên cũng cần khen ngợi sự nỗ lực của từng cá nhân học sinh.

- Lựa chọn (học sinh được quyền lựa chọn): Tạo điều kiện cho học sinh được chọn lựa và làm chủ các hoạt động trong giờ học. GV có thể cho học sinh tự lựa chọn cách thức thực hiện, vị trí tập luyện; tự phân công/tổ chức luyện tập/trò chơi; tự đưa ra các hình thức thưởng phạt... để phát huy được tính chủ động, tích cực của học sinh.

- Rõ ràng, súc tích: GV cần đưa ra chỉ dẫn rõ ràng, ngắn gọn dễ hiểu, tích cực sử dụng các khẩu ngữ, khẩu lệnh, hiệu lệnh, tăng cường hướng dẫn chỉ dẫn thông qua phương pháp trực quan trực tiếp, nhằm dành thời gian tối đa cho các hoạt động thực hành.

- Gắn kết (tạo được không khí gắn kết trong lớp học): Tăng cường gắn kết GV với học sinh và giữa các học sinh trong các hoạt động, tạo mối quan hệ thoải mái, cởi mở trong giao tiếp với học sinh trong giờ học, tạo điều kiện để học sinh được tăng cường

giao lưu, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động nhóm, tập thể.

Trên cơ sở cuốn tài liệu đã được góp ý, chỉnh sửa, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tổ chức tập huấn hướng dẫn cho 350 GV thử nghiệm lồng ghép vận dụng vào thực tiễn dạy học ở 07 tỉnh/thành phố từ năm 2020 đến năm 2022, sau đó tổ chức khảo sát đánh giá kết quả thử nghiệm. Kết quả này là cơ sở để nhóm nghiên cứu tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện tài liệu, thẩm định và đề xuất chính thức triển khai vận dụng vào các nhà trường đã được tập huấn và thử nghiệm, tiến tới mở rộng trên quy mô toàn quốc.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thông tin khảo sát

2.1.1. Mục đích khảo sát

Tìm hiểu thực trạng thử nghiệm vận dụng Chiến lược 6C vào các giờ học GDTC cấp Tiểu học sau tập huấn nhằm đánh giá được hiệu quả cũng như những tồn tại hạn chế, trên cơ sở đó có những điều chỉnh và đề xuất xem xét vận dụng chính thức chiến lược 6C vào dạy học môn GDTC cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông của Việt Nam tại một số tỉnh/thành đã tham gia tập huấn và thử nghiệm. Tiến tới mở rộng phạm vi vận dụng tại các trường tiểu học trên toàn quốc.

2.1.2. Câu hỏi khảo sát

Kết quả khảo sát nhằm cung cấp luận chứng đánh giá hiệu quả của Chiến lược 6C khi được vận dụng vào thực tiễn dạy học, cũng như đánh giá mức độ phù hợp đối với nội dung, chương trình môn GDTC cấp Tiểu học. Bộ phiếu hỏi bao gồm 44 câu hỏi nhằm thu thập các thông tin, nhận định của GV về mức độ hiểu biết, thực trạng, kết quả thử nghiệm vận dụng Chiến lược 6C vào dạy học môn học, cụ thể như sau:

- (1) Sự hiểu biết của cán bộ quản lý, GV về vai trò, tầm quan trọng; nội dung; hình thức tổ chức; dự kiến kết quả triển khai phương pháp dạy học theo chiến lược 6C.
- (2) Cách thức và mức độ vận dụng Chiến lược 6C vào thực tiễn dạy học của GV.
- (3) Mức độ hiệu quả của Chiến lược 6C sau vận dụng thử nghiệm thông qua nhận định của GV.
- (4) Mức độ phù hợp của Chiến lược 6C với điều kiện thực tế tại các nhà trường.

2.1.3. Xử lý dữ liệu khảo sát

Các dữ liệu thu được từ phiếu hỏi được nhập trên phần mềm Excel, làm sạch dữ liệu và chạy phân tích tỉ lệ trung bình và một số chỉ số tương quan trên phần mềm SPSS, sau đó được xuất sang bảng và biểu đồ minh họa tương ứng.

2.1.4. Đối tượng khảo sát

Công việc khảo sát được triển khai đến toàn bộ các GV đã tham gia tập huấn trực tiếp, một số GV đã được tập huấn gián tiếp qua nhiều hình thức khác nhau. Đối tượng khảo sát là GV môn GDTC tại các nhà trường.

- (1) Tỉ lệ GV tham gia trả lời phiếu hỏi

Bảng 1 Thống kê số lượng giáo viên tham gia trả lời phiếu hỏi

Tỉnh	Số lượng	%
Bắc Ninh	57	13.6
Cần Thơ	76	18.1
Đà Nẵng	68	16.2
Hà Giang	90	21.4
Hà Nội	45	10.7
Thành phố Hồ Chí Minh	48	11.4
Tuyên Quang	36	8.6
Tổng	420	100.0

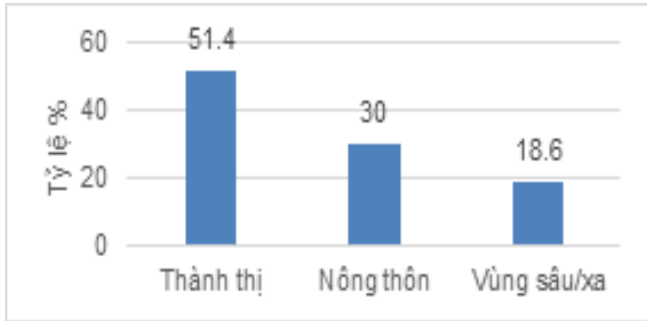
Thống kê số lượng GV tham gia trả lời phiếu hỏi trên địa bàn 07 tỉnh/thành phố, kết quả cho thấy: Cả 07 tỉnh thành trong diện khảo sát đều có GV tham gia trả lời phiếu hỏi với tổng số là 420 GV, tỉ lệ các đối tượng tham gia ở các tỉnh/thành tương đối đồng đều nhau, tuy nhiên cũng có sự khác biệt tương đối giữa số lượng trả lời nhiều nhất và số lượng trả lời ít nhất. Số lượng mẫu dự tính là 350 GV đã tham gia tập huấn, thực tế có 420 GV tham gia trả lời phiếu hỏi. Như vậy, mẫu khảo sát về cơ bản đảm bảo được độ tin cậy về các thông tin thu được trong quá trình khảo sát và có thể sử dụng như một trong những cơ sở quan trọng để đánh giá thực trạng vận dụng thử nghiệm Chiến lược 6C tại nhà trường trên địa bàn các tỉnh thành đã tham gia thử nghiệm.

(2) Tỉ lệ vùng miền tham gia trả lời phiếu hỏi

Khi lựa chọn các đối tượng tham gia trả lời phiếu hỏi, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn các nhà trường/tỉnh/thành ở các vùng miền khác nhau và chia thành 03 địa bàn thành thị, nông thôn và vùng sâu/xa để tiến hành khảo sát. Bảng 2 và Biểu đồ 1 dưới đây cho thấy, với tổng số 420 GV tham gia, GV ở khu vực thành thị có 216 chiếm đa số với 51.4%; tiếp theo là GV ở khu vực nông thôn với 126 GV chiếm 30% và 78 GV ở vùng sâu/xa chiếm 18.6%. Tất cả các vùng miền đều tham gia trả lời phiếu hỏi, trong đó GV ở các khu vực thành thị tham gia trả lời nhiều nhất với 51,4%, tiếp theo là khu vực nông thôn và thấp nhất là các GV khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa với tỉ lệ là 18,6%. Qua đó, có thể nhận thấy, số lượng GV cốt cán do các Sở Giáo dục cử đi tập huấn và tiếp cận với phương pháp dạy học theo chiến lược 6C chưa thực sự đồng đều giữa các vùng miền, chủ yếu là GV ở các trường thuộc khu vực thành thị chiếm >50% trong tổng số các đối tượng tham gia trả lời phiếu hỏi, số còn lại 30% là các GV thuộc khu vực nông thôn và 18,6% thuộc địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

Bảng 2: Thống kê tỉ lệ vùng miền khảo sát

Khu vực	Số lượng	%
Thành thị	216	51.4
Nông thôn	126	30.0
Vùng sâu, vùng xa	78	18.6
Tổng	420	100.0



Biểu đồ 1: Thống kê tỉ lệ vùng miền khảo sát

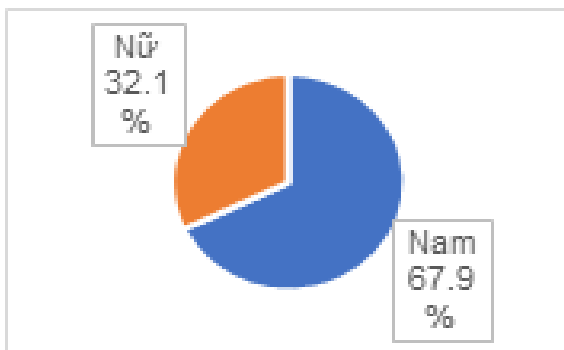
(3) Đặc điểm về dân tộc, giới tính, độ tuổi

Thống kê về dân tộc của các GV tham gia trả lời phiếu hỏi, kết quả cho thấy, phần lớn là GV dân tộc Kinh với 357 GV chiếm 85%; còn lại là GV dân tộc khác với 63 GV chiếm 15%. Các đối tượng tham gia trả lời phiếu hỏi đa phần là GV nam với số lượng là 285, chiếm 67,9%, nhiều hơn tương đối nhiều so với GV nữ, chiếm 32,1%. Điều đó chứng tỏ rằng, hiện nay trong các trường tiểu học, phần nhiều GV dạy học môn GDTC là Nam giới.

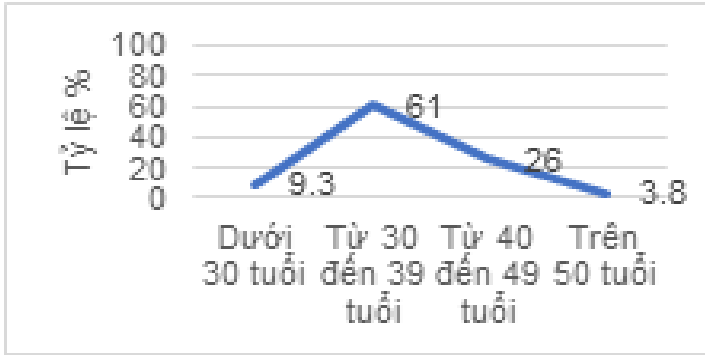
Đối với độ tuổi GV tham gia trả lời phiếu hỏi, các GV dạy môn GDTC tại các nhà trường chủ yếu đang trong độ tuổi từ 30-49 tuổi, chiếm 87% trong tổng số các GV tham gia trả lời phiếu hỏi, là độ tuổi tương đối "chín", tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong dạy học môn học, qua đó nhận định việc vận dụng phương pháp dạy học theo chiến lược 6C sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi và đạt được hiệu quả cao.

Bảng 3: Thống kê về dân tộc, giới tính và độ tuổi GV

Dân tộc	Số lượng	%
Kinh	357	85.0
Khác	63	15.0
Tổng	420	100.0



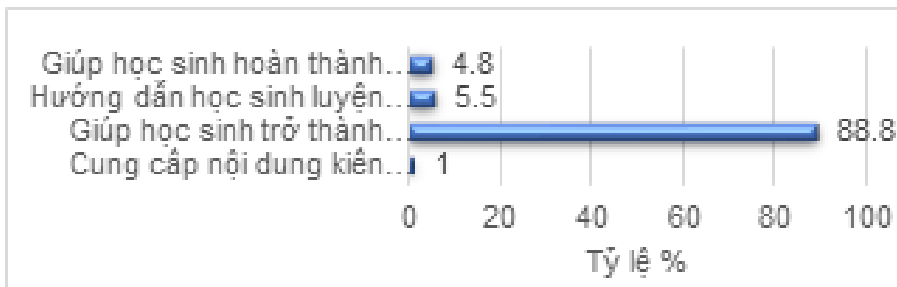
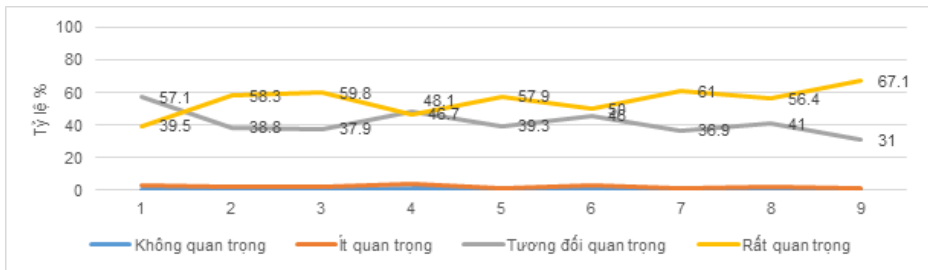
Biểu đồ 2: Thống kê về dân tộc, giới tính và độ tuổi GV



2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Sự hiểu biết của GV về Chiến lược 6C

Việc khai thác sự hiểu biết của GV được thể hiện qua 05 câu hỏi về: vai trò, tầm quan trọng; nội dung trọng tâm của Chiến lược 6C. Qua kết quả khảo sát, đa số các GV đều nhận định đây là những phương pháp dạy học nhằm mang lại sự thoải mái, hưng phấn về mặt tinh thần cho học sinh, giúp học sinh thấy thích vận động hơn qua đó mang lại sự tự giác, tích cực tham gia của học sinh trong lớp. Từ những nhận định trên có thể thấy, các GV đều nhận định đúng những giá trị của chiến lược 6C, nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của các kĩ thuật dạy học theo Chiến lược này. Bên cạnh đó, giáo viên cũng hiểu được mục tiêu, giá trị mà Chiến lược 6C hướng tới, đồng thời nắm bắt được cách thức vận dụng 6C khi tổ chức dạy học.



Biểu đồ 3: Thống kê những giá trị của Chiến lược 6C

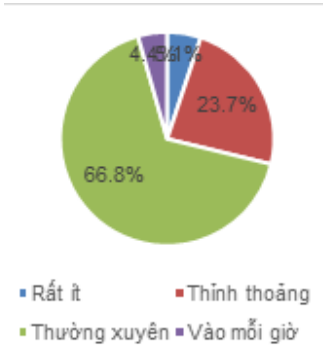
Bảng 4: Thống kê hiểu biết của GV về tác dụng, mức độ quan trọng và nội dung trọng tâm của Chiến lược 6C

Nội dung bổ trợ	Số lượng	%
Nội dung dạy học	31	7.4
Hướng dẫn kiểm tra đánh giá	1	.2
Phương pháp dạy học	341	81.2
Xây dựng kế hoạch dạy học	47	11.2
Tổng	420	100.0

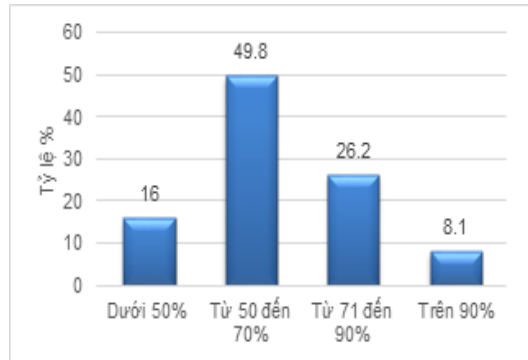
2.2.2. Thực tiễn vận dụng

Bao gồm các câu hỏi nhằm khai thác thực tiễn vận dụng Chiến lược 6C của GV về: Hình thức vận dụng (vận dụng một phần; vận dụng hoàn toàn); Cách thức vận dụng (theo tiến trình, nội dung...).

Qua kết quả trả lời phiếu hỏi của GV, có thể thấy sự đa dạng và phong phú trong vận dụng của GV sau tập huấn. Mỗi GV có cách vận dụng khác nhau tùy thuộc vào môi trường dạy học, điều kiện dạy học, nội dung dạy học. Nhưng có một điểm chung là, các GV vận dụng chiến lược 6C nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng giờ học theo nội dung được quy định trong chương trình. Các chiến lược được vận dụng một cách linh hoạt. GV không thể hiện tất cả trong mỗi hoạt động mà tùy thuộc vào nội dung bài học, đặc điểm, đặc trưng của mỗi hoạt động mà GV sử dụng các chiến lược cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động đó. Việc sử dụng các trò chơi cũng thể hiện sự đa dạng và sáng tạo của GV, mỗi hoạt động GV lựa chọn các trò chơi phù hợp dựa trên các trò chơi đã được giới thiệu trong tài liệu hoặc trong quá trình tập huấn. Các trò chơi này cũng được GV điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của nhà trường. Trong tổ chức các trò chơi, GV cũng vận dụng các chiến lược 6C nhằm tăng cường sự sôi nổi, hào hứng của học sinh. Nội dung các trò chơi cũng được GV xây dựng có tổ chức nhằm hỗ trợ, bổ trợ cho các nội dung chính của bài học. Tất cả GV khi được hỏi về mức độ vận dụng đều cho rằng, bản thân vận dụng 6C trong mỗi hoạt động của mỗi giờ học và việc vận dụng này cũng rất linh hoạt, nhẹ nhàng, không gây áp lực hoặc quá tải cho GV. Từ kết quả thu được, có thể thấy, các GV thường xuyên vận dụng chiến lược 6C trong dạy học môn GDTC tại các nhà trường. Tần suất, mức độ và cách thức vận dụng cũng thể hiện sự đa dạng, phong phú, linh hoạt trong tổ chức dạy học môn học của các GV tại các nhà trường tham gia tập huấn vận dụng thử nghiệm



Tần suất vận dụng



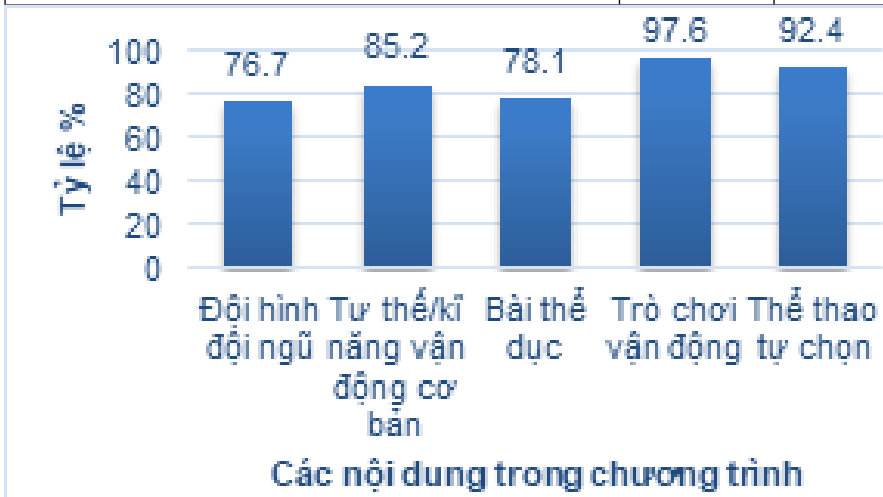
Thời lượng vận dụng

Biểu đồ 4: Thống kê thực tiễn vận dụng Chiến lược 6C của GV

Bảng 5: Thống kê cách thức vận dụng Chiến lược 6C

Cách thức vận dụng	Số lượng	%
Vận dụng vào một hoạt động cụ thể	33	7.9
Vận dụng vào một nội dung cụ thể	27	6.4
Vận dụng vào toàn bộ tiến trình	42	10.0
Vận dụng linh hoạt vào các nội dung và hoạt động	318	75.7

Cách thức vận dụng	Số lượng	%
Tổng	420	100.0



Cách thức vận dụng

Nội dung vận dụng

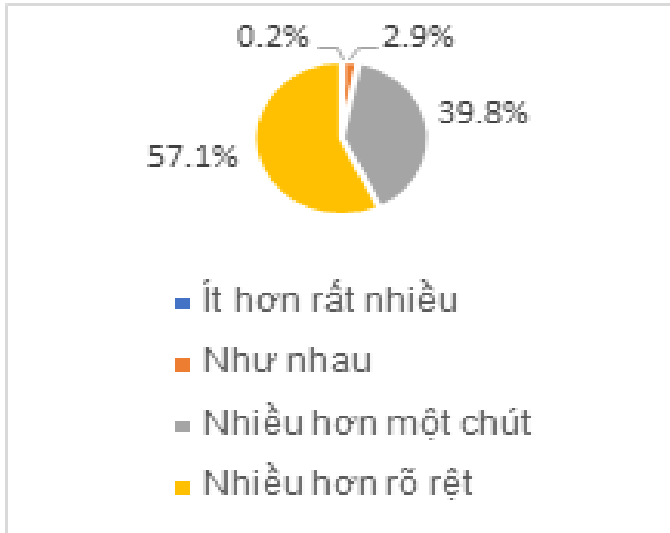
2.2.3. Hiệu quả vận dụng

Bao gồm các câu hỏi nhằm khai thác thông tin về hiệu quả vận dụng, bao gồm tinh thần của GV; tinh thần, thái độ học sinh; kết quả học tập của học sinh; chất lượng giờ học...

Nhận định ban đầu của các GV khi được hỏi về hiệu quả mà Chiến lược 6C đem lại trong quá trình vận dụng vào dạy học môn học, tất cả các GV được hỏi đều khẳng định, việc vận dụng Chiến lược 6C trong dạy học môn học bước đầu đem lại hiệu quả rõ rệt, chất lượng môn học được đảm bảo. Điều đó được thể hiện thông qua sự thay đổi lớn về không khí lớp học và tâm lý vận động của học sinh trong giờ học. So với các tiết học hiện hành, các tiết học có vận dụng Chiến lược 6C khiến lớp học vui hơn, sôi nổi náo nhiệt hơn, học sinh được thoải mái, chủ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức và thực hành các kĩ năng trong giờ học. Vì vậy tâm, trạng của học sinh thay đổi rõ rệt, vui vẻ hơn, hào hứng hơn, tích cực hơn, không còn hiện tượng học sinh tiếp thu kiến thức một cách thụ động, thực hành máy móc, rập khuôn như các tiết học truyền thống. Việc vận dụng Chiến lược 6C cũng đã tạo nên sự khác biệt lớn về thời lượng vận động của học sinh trong giờ, với các tiết học truyền thống, GV dành nhiều thời gian hơn vào giải thích, hướng dẫn cách thức thực hiện động tác, còn với 6C, GV chủ yếu giới thiệu và cho học sinh được tự trải nghiệm, tự lựa chọn cách thức tập luyện, do đó thời gian chết của giờ học giảm. Với thời lượng 35 phút/tiết học, học sinh có nhiều thời gian cho việc luyện tập thực hành hơn, hiệu quả thực hiện các động tác cũng được tăng rõ rệt. Bên cạnh đó, việc học sinh chủ động, tích cực trong luyện tập cũng khiến cho thời lượng và cường độ vận động của học sinh trong các tiết học được tăng cường hơn, từ đó thể lực học sinh cũng tốt hơn theo mỗi giờ học. Tâm trạng học sinh thoải mái, vui vẻ hơn cũng khiến học sinh cảm thấy yêu thích môn học, yêu thích vận động, nhu cầu tham gia các hoạt động nhiều hơn, số lượng học sinh chủ động tham gia tập luyện, rèn luyện thể chất ngoài giờ hoặc tham gia các câu lạc bộ năng khiếu thể dục thể thao do nhà trường tổ chức cũng tăng đáng kể.

Bảng 6: Thống kê hiệu quả vận dụng Chiến lược 6C vào dạy học

Thái độ học tập của học sinh	Số lượng	%
Không thích, thờ ơ, thể hiện thái độ sợ sệt trong giờ học	2	0.5
Miễn cưỡng tập luyện theo yêu cầu của GV, hiệu quả chưa cao	8	1.9
Tập trung, nghiêm túc tập luyện trong giờ học, chất lượng tương đối đảm bảo	89	21.2
Thể hiện sự hứng khởi, tập trung, tự giác, tích cực tập luyện trong giờ học, chất lượng giờ học đạt hiệu quả cao	321	76.4
Tổng	420	100.0



Cách thức vận dụng

Nội dung vận dụng

Biểu đồ 5: Thống kê hiệu quả vận dụng Chiến lược 6C

Bảng 6: Hiệu quả với các hoạt động cụ thể so với các giờ học không vận dụng

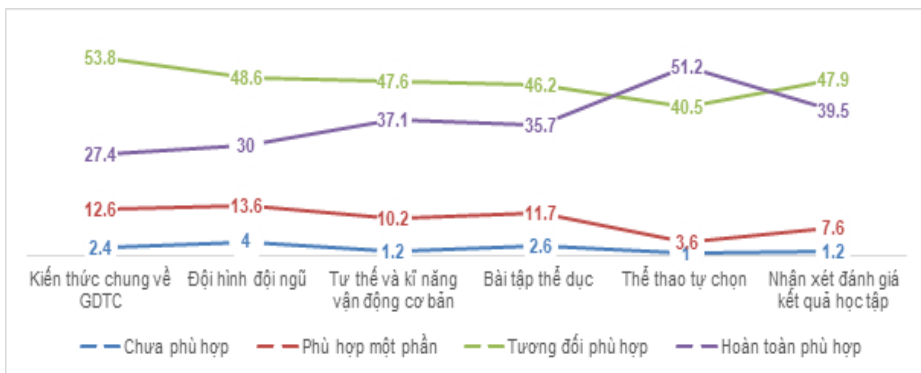
TT	Các hoạt động trong giờ học	Mức độ hiệu quả							
		Không hiệu quả		Đạt hiệu quả thấp		Đạt hiệu quả tương đối		Đạt hiệu quả cao	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tổ chức, ổn định lớp	12	2.9	41	9.8	287	68.3	80	19
2	Khởi động, trò chơi làm nóng không khí lớp học	1	0.2	9	2.1	183	43.6	227	54
3	Dạy nội dung kiến thức mới	5	1.2	42	10	261	62.1	112	26.7
4	Tổ chức tập luyện, chơi trò chơi	0	0	4	0.9	181	43.1	235	56
5	Hoạt động vận dụng, kết thúc	5	1.2	14	3.3	248	59	153	36.4
6	Nhận xét, đánh giá học sinh	12	2.9	20	4.8	243	57.9	145	34.5

2.2.4. Mức độ phù hợp

Nhằm khai thác nhận định của giáo viên về mức độ phù hợp của Chiến lược 6C với Chương trình môn Giáo dục thể chất 2018 như: Đặc trưng môn học; Mục tiêu môn học; Nội dung, chương trình; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Điều kiện GV (Số lượng, chất lượng, trình độ); Khả năng học sinh (thể trạng; khả năng vận động; sĩ số/lớp; thời lượng giờ học); Cơ chế quản lí...nhóm nghiên cứu đã đưa ra các câu hỏi và thu được kết quả như sau:

Các GV đều cho rằng, Chiến lược 6C khá phù hợp và tương đồng với định hướng của chương trình, đặc biệt là chương trình giáo dục phổ thông 2018, 6C phù hợp với tính mở, mục tiêu của chương trình và phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Với thực tiễn dạy học của các địa phương trong diện khảo sát, các GV đều cho rằng Chiến lược 6C rất đa dạng và linh hoạt nên việc vận dụng vào dạy học môn học tại các địa phương cũng tương đối thuận lợi và khá dễ dàng. GV không cảm thấy có sự gò bó, ép buộc trong quá trình vận dụng. Có một số khó khăn GV đưa ra như điều kiện thiết bị, dụng cụ hỗ trợ tập luyện còn hạn chế, sân bãi để dạy học môn học còn chật hẹp, khi tổ chức dễ gây ồn ào, ảnh hưởng đến các lớp học khác... Tuy nhiên, đây đều là khó khăn chung mang tính khách quan và trong thực tiễn, GV cũng đã có những giải pháp hoặc được hướng dẫn các giải pháp nhằm hạn chế những khó khăn, phát huy hiệu quả khi vận dụng chiến lược 6C trong dạy học môn học. Có thể nói, dù là Chương trình 2006 hay Chương trình 2018, Chiến lược 6C được các GV đánh giá cao về độ tương thích và tính phù hợp với chương trình, phù hợp từ quan điểm xây dựng, mục tiêu chương trình cho đến nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá. Các GV đều cho rằng, nếu kết hợp, lồng ghép chiến lược 6C trong dạy học môn học thì chắc chắn hiệu quả đạt được trong dạy học sẽ tăng đáng kể, góp phần phát triển nền tảng thể chất cho học sinh, tạo tiền đề cho các cấp/lớp học sau.

Biểu đồ 6: Thống kê mức độ phù hợp của chiến lược 6C với Chương trình môn GDTC 2018



Mức độ phù hợp với nội dung Chương trình

Bảng 7: Mức độ phù hợp với các điều kiện thực tiễn

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ phù hợp									
		Hoàn toàn không phù hợp		Mức độ phù hợp thấp		Tương đối phù hợp		Hoàn toàn phù hợp		GV không trả lời	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Nội dung chương trình môn học	0	0	17	4	235	56	152	36.2	16	3.8
2	Sách giáo khoa, sách giáo viên	2	0.5	23	5.5	250	59.5	129	30.7	16	3.8
3	Cơ sở vật chất, điều kiện sân bãi	8	1.9	90	21.4	224	53.3	82	19.5	16	3.8
4	Thời lượng giờ học	8	1.9	46	11	226	53.8	124	29.5	16	3.8
5	Sĩ số học sinh	15	3.6	53	12.6	218	51.9	118	28.1	16	3.8
6	Thể trạng và khả năng vận động của học sinh	0	0	23	5.5	240	57.1	141	33.6	16	3.8
7	Phương pháp đánh giá kết quả học tập	2	0.5	17	4	239	56.9	146	34.8	16	3.8

2.2.5. Một số kết quả khác

Bên cạnh việc khảo sát kết quả thử nghiệm vận dụng Chiến lược 6C vào thực tiễn dạy học, nhóm nghiên cứu cũng đã sử dụng dữ liệu để phân tích, đối chiếu để tìm hiểu sự khác biệt trong nhận định của GV thuộc các vùng miền khác nhau và GV được tập huấn trực tiếp/gián tiếp về thực tiễn, kết quả vận dụng và sự phù hợp của Chiến lược 6C với nội dung chương trình và điều kiện thực tiễn của các địa phương, trên cơ sở đó có những điều chỉnh phù hợp cho các giai đoạn tiếp theo.

2.2.5.1. Sự khác biệt trong nhận định của các GV giữa các vùng miền, khu vực khác nhau

Thông qua dữ liệu thu nhận được từ phiếu hỏi, nghiên cứu cũng so sánh tương quan các câu trả lời của GV đến từ các vùng miền khác nhau (thành thị: 216; nông thôn: 126; vùng sâu/vùng xa: 78) để tìm hiểu sự khác biệt trong nhận định của GV về tài liệu; công tác tập huấn; thực tiễn, kết quả vận dụng và sự phù hợp của chiến lược 6C với nội dung Chương trình và điều kiện thực tiễn của các địa phương.

Qua phân tích dữ liệu về sự khác biệt trong nhận định của GV ở các vùng miền thành thị, nông thôn, vùng sâu/xa về tài liệu; công tác tập huấn; thực tiễn, kết quả vận dụng và sự phù hợp của Chiến lược 6C với nội dung chương trình và điều kiện thực tiễn của các địa phương. Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê trong nhận định của GV ở các vùng miền khác nhau (các Bảng và biểu đồ dữ liệu đều cho sig. > 0.05).

Chỉ có một sự khác biệt có ý nghĩa duy nhất trong nhận định của GV về mức độ hiểu biết đối với chiến lược 6C, mức độ hiểu của GV ở khu vực vùng sâu/xa về các chiến lược cơ bản của chiến lược 6C thấp hơn so với GV ở khu vực nông thôn và thành thị, tuy nhiên sự khác biệt này không đáng kể (sig. = 0.05).

Từ dữ liệu và nhận định trên, có thể kết luận Chiến lược 6C có thể triển khai và vận dụng ở tất cả các địa phương đã được tập huấn, không bị ảnh hưởng bởi yếu tố vùng miền. Tuy nhiên, dựa trên kết quả phân tích, cần chú ý hơn nữa trong quá trình tập huấn cho GV ở các khu vực vùng sâu/vùng xa để GV có thể hiểu rõ hơn Chiến lược 6C, qua đó khi vận dụng vào thực tiễn dạy học sẽ hợp lý và đạt hiệu quả cao hơn.

Bảng 8: So sánh sự khác biệt về sự hiểu biết Chiến lược 6C của GV giữa các khu vực thành thị, nông thôn, vùng sâu/vùng xa

Multiple Comparisons						
Dependent Variable: Chiến lược 6C bao gồm các chiến lược cơ bản nào?						
Tamhane						
(I) Vị trí trường	(J) Vị trí trường	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
Thành thị	Nông thôn	.044	.039	.596	-.05	.14
	Vùng sâu/xa	-.098	.057	.238	-.24	.04
Nông thôn	Thành thị	-.044	.039	.596	-.14	.05
	Vùng sâu/xa	-.142*	.059	.049	-.28	.00
Vùng sâu/xa	Thành thị	.098	.057	.238	-.04	.24
	Nông thôn	.142*	.059	.049	.00	.28

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

Bảng 9: Mô tả hiệu quả nói chung của các giờ học có vận dụng chiến lược 6C với giờ học không vận dụng 6C ở các vùng miền khác nhau

Multiple Comparisons							
			Hiệu quả thấp hơn	Hiệu quả như nhau	Hiệu quả hơn một chút	Hiệu quả hơn rõ rệt	Tổng
Vị trí trường	Thành thị	Count	1	9	73	133	216
		% within Vị trí trường	0.5%	4.2%	33.8%	61.6%	100.0%
	Nông thôn	Count	2	6	34	84	126
		% within Vị trí trường	1.6%	4.8%	27.0%	66.7%	100.0%
	Vùng sâu/ xa	Count	0	2	32	44	78
		% within Vị trí trường	0.0%	2.6%	41.0%	56.4%	100.0%
Total		Count	3	17	139	261	420
% within Vị trí trường			0.7%	4.0%	33.1%	62.1%	100.0%

Bảng 10: So sánh sự phù hợp của Chiến lược 6C với Chương trình GDTC 2018 theo nhận định của GV ở các vùng miền khác nhau

Multiple Comparisons						
Dependent Variable: Chiến lược 6C phù hợp với Chương trình môn Giáo dục thể chất 2018 cấp Tiểu học						
Tamhane						
(I) Vị trí trường	(J) Vị trí trường	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
Thành thị	Nông thôn	.016	.068	.994	-.15	.18
	Vùng sâu/xa	.022	.079	.989	-.17	.21
Nông thôn	Thành thị	-.016	.068	.994	-.18	.15
	Vùng sâu/xa	.006	.084	1.000	-.20	.21
Vùng sâu/ xa	Thành thị	-.022	.079	.989	-.21	.17
	Nông thôn	-.006	.084	1.000	-.21	.20

2.2.5.2. Sự khác biệt trong nhận định của các GV được tập huấn trực tiếp và tập huấn gián tiếp Chiến lược 6C

Bên cạnh việc so sánh phân tích sự khác biệt về yếu tố vùng miền trong nhận định của GV, qua dữ liệu thu nhận được từ phiếu hỏi, nghiên cứu cũng so sánh tương quan các câu trả lời của GV thuộc các đối tượng tập huấn khác nhau (trực tiếp: 291; gián tiếp:129) để tìm hiểu sự khác biệt trong nhận định của GV về tài liệu; công tác tập huấn; thực tiễn, kết quả vận dụng và sự phù hợp của Chiến lược 6C với nội dung Chương trình và điều kiện thực tiễn của các địa phương.

Qua việc phân tích, đối chiếu, so sánh mối tương quan và sự khác biệt về nhận định của các đối tượng tập huấn trực tiếp và gián tiếp về thực tiễn, kết quả vận dụng và sự phù hợp của chiến lược 6C với nội dung Chương trình và điều kiện thực tiễn của các địa phương. Kết quả cho thấy, hầu như không có sự khác biệt trong nhận định của GV được tập huấn trực tiếp và GV được tập huấn gián tiếp, chỉ có một số khác biệt có ý nghĩa giữa hai nhóm đối tượng, cụ thể như sau:

- Phân tích sự khác biệt về việc vận dụng Chiến lược 6C của GV vào hoạt động mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, kết thúc trong tiến trình giờ học cho thấy, GV được tập huấn trực tiếp vận dụng chiến lược 6C vào hoạt động Kiến thức mới nhiều hơn so với GV được tập huấn gián tiếp.

Bảng 11: Phân tích sự khác biệt về vận dụng Chiến lược 6C của GV vào hoạt động trong giờ học

Phân tích sự khác biệt về việc vận dụng chiến lược 6C của GV vào hoạt động trong giờ học			
Yếu tố so sánh	Trung bình		Sig.
	Trực tiếp	Gián tiếp	
GV vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Mở đầu	1,90	1,84	0,107
GV vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Kiến thức mới (Cơ bản)	1,73	1,82	0,030
GV vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Luyện tập (Cơ bản)	1,92	1,82	0,864
GV vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Kết thúc	1,80	1,77	0,441

Kết luận: Phân tích sự khác biệt về việc vận dụng Chiến lược 6C của GV vào hoạt động mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, kết thúc trong tiến trình giờ học cho thấy, không có sự khác biệt nào giữa GV được tập huấn trực tiếp và GV được tập huấn gián tiếp trong việc vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Mở đầu (sig. = 0,177 > 0,05), GV được tập huấn trực tiếp vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Kiến thức mới (Cơ bản) nhiều hơn so với GV được tập huấn gián tiếp (sig. = 0,030 < 0,05), không có sự khác biệt nào giữa GV được tập huấn trực tiếp và giáo viên được tập huấn gián tiếp trong việc vận dụng Chiến lược 6C vào hoạt động Luyện tập (Cơ bản) và hoạt động Kết thúc (sig. = 0,864 và sig. = 0,441 > 0,05).

- Phân tích sự khác biệt của GV về việc đánh giá mức độ phù hợp của Chiến lược 6C với Chương trình cho thấy, GV được tập huấn trực tiếp đánh giá chiến lược 6C phù hợp với chương trình môn GDTC 2018 cấp Tiểu học hơn so với GV được tập huấn gián tiếp (Sig. = 0,109 > 0,05).

Bảng 12: Chiến lược 6C với Chương trình GDTC 2018 cấp Tiểu học

* Chiến lược 6C phù hợp với Chương trình môn Giáo dục thể chất 2018 cấp Tiểu học						
		Chưa phù hợp	Phù hợp một phần	Tương đối phù hợp	Hoàn toàn phù hợp	Tổng
Tập huấn trực tiếp	Count	1	18	143	122	284
	% within GV được tập huấn	0.4%	6.3%	50.4%	43.0%	100.0%
Tập huấn gián tiếp	Count	0	7	75	38	120
	% within GV được tập huấn	0.0%	5.8%	62.5%	31.7%	100.0%
Total	Count	1	25	218	160	404
	% within GV được tập huấn	0.2%	6.2%	54.0%	39.6%	100.0%
Sig. = 0,109 > 0,05						

Như vậy, ngoài một số nhận định trùng khớp nhau giữa hai đối tượng thì đối tượng GV được tập huấn trực tiếp có nhận định tốt hơn các GV được tập huấn gián tiếp. Điều đó được thể hiện qua việc GV được tập huấn trực tiếp có sự hiểu biết về Chiến lược 6C sâu hơn, rõ hơn so với GV được tập huấn gián tiếp. Tỷ lệ GV được tập huấn trực tiếp cho rằng việc vận dụng Chiến lược 6C dễ dàng cao hơn so với GV được tập huấn trực tiếp. Bên cạnh đó, GV được tập huấn trực tiếp có định hướng vận dụng Chiến lược 6C trong tổ chức dạy học linh hoạt hơn, đa dạng hơn; nhận định Chiến lược 6C phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình hơn so với GV được tập huấn gián tiếp. Vì vậy, dù cách thức vận dụng có tương đồng, hiệu quả mang lại tương đương nhau theo nhận định của hai đối tượng. Tuy nhiên, cần lưu ý trong xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn đại trà (tập huấn F2) cho các GV chưa được tập huấn trực tiếp, nhằm đảm bảo chiến lược 6C được lan tỏa đồng đều đến tất cả GV trong diện triển khai, từ đó lan tỏa được tinh thần 6C và vận dụng linh hoạt hiệu quả trong các giờ học, nâng cao chất lượng môn học GDTC (Thể dục) trong các trường tiểu học trong diện triển khai.

3. Kết luận - Kiến nghị

3.1. Kết luận

Với kết quả thu được từ các hoạt động khảo sát, có thể nhận định, GV có nhiều đánh giá tích cực về Chiến lược 6C và mức độ phù hợp của chiến lược này với Chương

trình môn GDTC cấp Tiểu học 2018. Dù mới chỉ tiếp cận và vận dụng trong thời gian ngắn do ảnh hưởng của bệnh dịch nhưng phần lớn GV đều đã nhận thấy những chuyển biến tích cực từ thái độ của học sinh đến không khí lớp học và hiệu quả giờ học khi vận dụng. Khảo sát cũng nhằm đánh giá mức độ thực hiện việc vận dụng Chiến lược 6C ở các nhà trường với các điều kiện thuận lợi và khó khăn khác nhau, với các kết quả thu được, theo nhận định ban đầu, hiệu quả vận dụng Chiến lược 6C không có nhiều điểm khác nhau khi được triển khai ở các khu vực thuận lợi và khó khăn. Điều đó có thể nhận thấy, việc vận dụng Chiến lược 6C vào dạy học môn GDTC trong các nhà trường tiểu học hiện nay không phụ thuộc nhiều vào cơ sở vật chất, thiết bị mà phụ thuộc chủ yếu vào nhận thức và ý thức đổi mới phương pháp dạy học môn học của GV trong các nhà trường.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng chỉ ra một số mặt hạn chế cần điều chỉnh trong quá trình triển khai tại các địa phương như việc vận dụng phương pháp dạy học theo Chiến lược 6C vào các giờ học tại một số trường vẫn còn cứng nhắc và chưa linh hoạt, xuất phát từ nguyên nhân các GV chưa thay đổi nhận thức về đổi mới phương pháp dạy học môn học, chưa thực sự nắm được định hướng mới của Chương trình 2018 và quan điểm của việc vận dụng phương pháp dạy học theo Chiến lược 6C vào thực tiễn cho nên một số GV còn e ngại trong việc triển khai, thực hiện không đúng nội dung phân phối chương trình nên chưa mạnh dạn trong vận dụng Chiến lược 6C vào trong tổ chức dạy học.

Như vậy, thông qua các hoạt động khảo sát, có thể khẳng định Chiến lược 6C hoàn toàn phù hợp với đặc trưng môn học và phù hợp với chương trình môn Thể dục hiện hành cũng như môn GDTC trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Qua quá trình thử nghiệm vận dụng tại 07 tỉnh thành trong thời gian 01 năm, dù gặp nhiều khó khăn do bệnh dịch COVID gây ra. Tuy nhiên, chiến lược này đã nhận được sự ghi nhận và đánh giá cao từ GV trực tiếp dạy học tại các nhà trường. Ghi nhận một sự đổi mới về phương pháp dạy học tích cực, sự thay đổi môi trường học tập và đặc biệt là đem lại sự hào hứng, tích cực chủ động tham gia học tập, rèn luyện của học sinh, giúp học sinh thích vận động hơn, yêu môn học hơn, từ đó gây dựng đam mê hoạt động vận động cũng như tập luyện của học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDTC và phát triển nền tảng thể chất cho học sinh tiểu học.

3.2. Kiến nghị

Từ những kết quả thu nhận được qua quá trình vận dụng thử nghiệm tại 07 tỉnh/thành phố, nhóm nghiên cứu khẳng định vai trò và tầm quan trọng của Chiến lược 6C trong tổ chức dạy học môn GDTC/thể dục tại các nhà trường tiểu học hiện nay. Để việc triển khai tại các địa phương được đồng bộ, thống nhất và đạt hiệu quả cao, cần có những chỉ đạo từ cơ quan quản lý cao nhất bằng văn bản hướng dẫn thực hiện vận dụng phương pháp này vào trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học môn học tại các nhà trường, tạo cơ sở hành lang pháp lý cho các địa phương tổ chức tập huấn đại trà và triển khai đồng bộ, nhất quán trên toàn tỉnh/thành phố, tiến tới mục tiêu sẽ lan tỏa và phổ biến phương pháp dạy học theo Chiến lược 6C tại tất cả các tỉnh/thành phố còn lại trên cả nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Thể dục*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002 - 2005), *Sách giáo viên Thể dục (1,2,3,4,5)*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục thể chất*.
- [5] V.P.Lukyanenko (2003), *Nghiên cứu mối tương quan giữa các thành phần vận động và trí lực trong lĩnh vực Thể dục thể thao nội dung Giáo dục phổ thông - Khoa học Thể thao số 3 (034)*, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Viết Minh (2006), *Đổi mới phương pháp giảng dạy môn Giáo dục thể chất nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông - Tuyển tập nghiên cứu khoa học giáo dục sức khỏe, thể chất trong nhà trường các cấp lần thứ IV*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Ngọc Việt, (2011), *Sự biến đổi tâm vóc và thể lực dưới tác động tập luyện Thể dục thể thao nội khóa - ngoại khóa đối với học sinh tiểu học từ 6 đến 9 tuổi ở Bắc miền Trung - Luận án Tiến sĩ giáo dục học*, Viện Khoa học Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [8] Nike. *Coaching success strategies-the 6C's- Nike community Ambassador Playbook*.
- [9] <https://www.nike.com/vn/made-to-play>.
- [10] <https://giaoducthechat.edu.vn/>.